TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **605**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 08/11/2018
V/v:"Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân* : 1. Ông Nguyễn Văn Chót.
2. Ông Dương Văn Hai.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Khánh Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 472/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2138/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị D, sinh năm: 1995; địa chỉ: số nhà 41/4, ấp X, xã T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Châu Văn Bé L, sinh năm: 1982; địa chỉ: số nhà 7/2, ấp X, xã T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa án – chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Châu Văn Bé L sống chung vợ chồng vào năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T. Sống chung có sinh được 02 con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P, sinh ngày 26/02/2015, con chung từ lúc sinh ra đến nay đều sống chung với chị. Tài sản chung, nợ chung không có.

Từ khi kết hôn đến khi sinh cháu T thì chị đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, do điều kiện gia đình anh L không thể để chị và anh L sống chung với gia đình anh L được và anh L cũng qua sống chung với gia đình chị, sau đó thì anh L đi làm ở Lâm Đồng, Gia Lai lâu lâu mới về.

Trong thời gian sống chung giữa chị và anh L xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Anh L không có trách nhiệm gì với gia đình, con bị bệnh anh L cũng không quan tâm, chẳng những vậy trước đó khi xảy ra mâu thuẩn, cải nhau anh L lại còn đánh chị. Chị và anh L đã sống ly thân đến nay gần 01 năm, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được.

Nên nay về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Văn Bé L, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P, sinh ngày 26/02/2015, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, trước đó chị có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/02 con chung, nhưng nay chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nữa. Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Châu Văn Bé L vắng mặt tại Tòa, nhưng theo nội dung biên bản lấy lời khai, hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ – anh Châu Văn Bé L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D sống chung vợ chồng vào năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T. Sống chung có sinh được 02 con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P, sinh ngày 26/02/2015, con chung hiện đang sống với chị D. Tài sản chung, nợ chung không có. Trong thời gian sống chung, anh thừa nhận giữa anh với chị D có xảy ra mâu thuẩn, cải nhau, anh có đánh chị D một lần nhưng vào khoảng 01 năm trước, sau này thì không có nữa. Chỉ có dịp tết vừa rồi cả hai lại xảy ra cải vả, chị D đuổi anh đi còn nguyên nhân tại sao thì anh không biết.

Nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con. Còn nếu như chị D kiên quyết ly hôn và được Tòa chấp nhận thì về con chung anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con mà anh sẽ đi làm hàng tháng nếu có tiền sẽ gửi về cho chị D. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, riêng bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với anh Châu Văn Bé L. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng không đặt vấn đề giải quyết do các bên không có yêu cầu. Về con chung: Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P, sinh ngày 26/02/2015, anh L không phải cấp dưỡng nuôi

con chung do chị D không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh L trình bày không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Châu Văn Bé L. Bị đơn Châu Văn Bé L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã T T, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, còn anh L đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Châu Văn Bé L kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/4/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, giữa chị D và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải nhau, có lần anh L còn đánh chị D, nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh L, còn anh L thì cho rằng còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, qua xác minh đối với bà Lê Thị M là người trực tiếp sống cùng nhà với vợ chồng chị D, anh L sau khi kết hôn thì được bà M cho biết là trong thời gian chị D và anh L sống chung có xảy ra mâu thuẫn, cải vả nhau do anh L không phụ chị D lo cho con, mùng 3 tết vừa rồi cả hai lại tiếp tục cải nhau do con bị bệnh mà anh L không lo gì hết. Anh L đi làm suốt, lâu lâu mới về nhà nhưng khi về thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, nếu chị D và anh L tiếp tục sống chung với nhau thì cũng không có hạnh phúc, nên nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh L thì Tòa cứ xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống chung giữa chị D và anh L có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị D và anh L đã sống ly thân đến nay gần 01 năm nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay chị D có yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi ly hôn, chị D, anh L không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, anh L cũng có ý kiến là đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị D được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P, sinh ngày 26/02/2015. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh L trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh L trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Châu Văn Bé L. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Châu Văn Bé L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn không đặt vấn đề xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/5/2013 và Châu Hoàng P , sinh ngày 26/02/2015. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trược tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D và anh L trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D và anh L trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016385 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy án phí chị D đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã T T;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên